



Chất lượng vượt trội – Hiệu quả cao...



**DANH MỤC SẢN
PHẨM PHÂN BÓN**

www.2000tarim.com

PHÂN BÓN CHUYÊN DỤNG

SẢN PHẨM	THÀNH PHẦN (% khối lượng/khối lượng – w/w)									MÔ TẢ	LIỀU LƯỢNG SỬ DỤNG (QUANTITÉS À UTILISER)		QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	
	N	P ₂ O ₅	K ₂ O	MgO	Fe	Zn	Mn	B	Mo		PHUN QUA LÁ g hoặc mL/100 L nước	BÓN QUA ĐẤT kg hoặc L/1.000 m ²	L	kg
2000 Agri NOABSES	18	5				1				Phân bón dạng lỏng chứa nitơ, kali và kẽm, được bổ sung các thành phần hoạt tính. Giúp giảm stress sinh lý và hạn chế hiện tượng rụng hoa, rụng quả. Kích thích quá trình tổng hợp auxin. Cải thiện quá trình thụ phấn, đậu quả và phát triển quả. Tăng cường sự phát triển của hệ rễ và nâng cao khả năng chống chịu đối với các điều kiện bất lợi (stress phi sinh học).	150-200	1-2	1-5-20	
2000 Agri GENESIS	10	10	6							Phân bón NPK dạng lỏng chứa các hoạt chất. Kích thích quá trình hình thành và nâng cao sức sống của hạt phấn. Cải thiện tỷ lệ đậu quả. Giảm hiện tượng rụng hoa và rụng quả do thụ tinh không thành công. Điều hòa cân bằng giữa sinh trưởng sinh dưỡng và sinh trưởng sinh thực.	150-200	1-2	1-5-20	
2000 Agri NIMBUS	25	10	15		0,2	1	0,1			Phân bón dạng bột có hàm lượng biuret thấp, được bổ sung phot pho, kali và các nguyên tố vi lượng. Đáp ứng nhu cầu nitơ của cây trồng. Giúp giảm stress sinh lý. Thúc đẩy sinh trưởng sinh dưỡng, kích thích ra hoa, tăng tỷ lệ đậu quả và phát triển hệ rễ.	150	1-3		1-2,5-10
2000 Agri RATOON	14	18	24			1		0,2		Hỗn hợp phân bón NPK dạng bột chứa các nguyên tố vi lượng và các hoạt chất. Tăng cường sự phát triển và chức năng của hệ rễ. Giúp cây phát triển bộ khung sinh dưỡng vững chắc. Thúc đẩy quá trình ra hoa đồng đều và ổn định.		1-3		1-2,5-10
MAXIFORTE	14	7	21	2	0,2	0,2	0,5			Hỗn hợp phân bón NPKMg dạng bột chứa các nguyên tố vi lượng. Giúp tăng kích thước, độ cứng và màu sắc của quả. Thúc đẩy quá trình ra hoa và thụ phấn đồng đều. Hỗ trợ sự phát triển khỏe mạnh của hệ rễ.	200-250	1-3		1-2,5-10
TRANS-POL	5	30	13			0,5		3	2,5	Phân bón NPK dạng bột chứa các nguyên tố vi lượng và các hoạt chất. Tăng cường quá trình ra hoa và nâng cao khả năng hoạt động của hạt phấn. Kích thích phát triển chồi bên và tăng cường sự phát triển của hệ rễ.	100-150	1-2		0,5-1-10
2000Agri YANDAL		24	40	2		0,5	0,15	0,1	0,02	Hỗn hợp phân bón NPK dạng bột chứa các hoạt chất. Giúp hạn chế hiện tượng kéo dài quá mức của lông thân. Điều hòa cân bằng hormone trong cây. Duy trì sự cân bằng giữa quá trình ra hoa, đậu quả và sinh trưởng sinh dưỡng.	100-200	1-2		1-2,5-10
2000Agri DURAN		9	9			0,4				Hỗn hợp phân bón chuyên dùng có tính axit, chứa phot pho và kali. Giúp điều hòa sự phát triển của lông thân. Kích thích sự phát triển của hệ rễ. Duy trì cân bằng hormone trong cây. Thúc đẩy sinh trưởng sinh dưỡng ổn định và quá trình ra hoa đồng đều.		2-3	5-20	
Agrodore ALCARAZ	13	9	30	2	0,2	0,2	0,2			Hỗn hợp phân bón NPKMg dạng bột chứa các nguyên tố vi lượng. Giúp tăng kích thước, độ bóng và độ cứng của quả. Điều hòa quá trình lên màu của quả. Hỗ trợ dinh dưỡng và thúc đẩy sự phát triển của hệ rễ.	100	1		1-2,5-10
Agrodore FLORESA	7	24	29			0,6		1,5	1,25	Phân bón NPK dạng bột chứa các nguyên tố vi lượng và các hoạt chất. Kích thích quá trình hình thành mầm hoa. Nâng cao chất lượng hạt phấn. Thúc đẩy sự phát triển của chồi bên và tăng cường sự phát triển của hệ rễ.	100	1		0,5-1-10

VI LƯỢNG

SẢN PHẨM	THÀNH PHẦN (% khối lượng/khối lượng – w/w)									MÔ TẢ	LIỀU LƯỢNG SỬ DỤNG (QUANTITÉS À UTILISER)		QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	
	N	P ₂ O ₅	K ₂ O	MgO	Fe	Zn	Mn	B	Cu	Mo	PHUN QUA LÁ g hoặc mL/100 L nước	BÓN QUA ĐẤT kg hoặc L/1.000 m ²	L	kg
PROMAX COMBI					6	5	3	1,5	0,5	0,1	100-150	0,25-1		1-5-10
2000Agri FULMAKS	15		5	6	2	4	4	0,2			150	0,25-1		1-5-10
Agrodore MIXLE					2,5	10	8	2			100-150	0,25-1		1-5-10
Agrodore BORZINO						6		3			100-150	1-2	1-5-20	
2000Agri BOLBOR								8			100-150	0,5-1	1-5-20	
2000Agri BOLMANG							10				100-150	1-2	1-5-20	
GLUKOMIX Mn-Fe					2,5		3,5				100-150	1-2	1-5-20	
PROLIUM CuMnZn						1	1		5		150-200	1-2	1-5-20	
SPECIAL PROFER 6					6							0,25-1		1-5
SupKor Cu						3					100-200	1-2	1-5-20	



PHÂN BÓN HỮU CƠ KHOÁNG

	THÀNH PHẦN (% khối lượng/khối lượng – w/w)										LIỀU LƯỢNG SỬ DỤNG (QUANTITÉS À UTILISER)		QUY CÁCH ĐÓNG GÓI		
SẢN PHẨM	ORG. MAT	N	P ₂ O ₅	K ₂ O	MgO	Fe	Zn	Mn	B	Cu	MÔ TẢ	PHUN QUA LÁ g hoặc mL/100 L nước	BÓN QUA ĐẤT kg hoặc L/1.000 m ²	L	kg
2000Agri APEX-NK	25	10		8							Hỗn hợp phân bón dạng lỏng chứa chất hữu cơ, nitơ và kali. Cải thiện cấu trúc đất và tăng khả năng hấp thu dinh dưỡng. Kích thích sự phát triển của hệ rễ và quả. Tăng độ bóng và chất lượng màu sắc của quả.	100-150	2-3	20	
MICRONEX COMBI	35	7		5		0,4	0,3	0,3	0,2		Hỗn hợp phân bón dạng lỏng chứa chất hữu cơ, nitơ, kali và các nguyên tố vi lượng. Thúc đẩy sự phát triển của hệ rễ. Đẩy nhanh quá trình phát triển của quả. Cải thiện màu sắc, độ bóng và chất lượng tổng thể của nông sản.	100-150	2-3	20	
2000Agri MEGA-N	10	15			2	0,2		0,3			Phân bón dạng lỏng chứa chất hữu cơ, nitơ và magiê. Kích thích sinh trưởng sinh dưỡng và phát triển quả. Cải thiện màu sắc của cây và quả. Hỗ trợ hình thành hệ rễ khỏe mạnh và phát triển mạnh.	100-150	2-3	20	
2000Agri PRO-F	10	3	15				2		0,5		Hỗn hợp phân bón dạng lỏng chứa chất hữu cơ, nitơ và photpho. Kích thích quá trình ra hoa, hình thành hạt phấn và phát triển quả. Thúc đẩy hoạt động của các điểm sinh trưởng.	100-150	2-3	20	
2000Agri DEN-GOO	10	7	7	7							Hỗn hợp phân bón dạng lỏng NPK cân đối chứa chất hữu cơ. Điều hòa sự phát triển tổng thể của cây. Kích thích quá trình ra hoa, đậu quả và phát triển hệ rễ.	100-150	2-3	20	
Agrodore ORENDA	15	9		5	2						Hỗn hợp phân bón dạng lỏng chứa chất hữu cơ, nitơ, kali và magiê. Cải thiện cấu trúc đất và tăng khả năng hấp thu dinh dưỡng. Thúc đẩy sự phát triển của quả. Tăng độ bóng, màu sắc và giá trị thương phẩm của nông sản.	100-150	2-3	20	
MAXIEND 10-7-17	10	10	7	17	2		1	1			Phân bón dạng gel chứa chất hữu cơ, NPK, magiê và các nguyên tố vi lượng. Thúc đẩy sự phát triển và quá trình chín của quả. Tăng trọng lượng quả. Cung cấp năng lượng cho cây. Hỗ trợ sự phát triển của hệ rễ và giúp quả lên màu đồng đều.		2-5		15
TORK-K15	25	6		15			1	0,5		0,5	Phân bón dạng gel chứa chất hữu cơ, nitơ và kali. Kích thích cây và quả phát triển nhanh. Tăng trọng lượng, độ bóng và màu sắc của quả. Cải thiện cấu trúc đất và thúc đẩy sự phát triển của hệ rễ.		2-5		15
2000Agri POTANIA-NK	27	6		20	2	1	0,5				Phân bón dạng gel chứa chất hữu cơ, nitơ, kali và magiê. Thúc đẩy sự phát triển nhanh và quá trình chín của quả. Cải thiện màu sắc của quả. Điều hòa hoạt động của hệ rễ.	200-300	2-5		15

PHÂN BÓN HỮU CƠ

	THÀNH PHẦN (% khối lượng/khối lượng – w/w)						LIỀU LƯỢNG SỬ DỤNG (QUANTITÉS À UTILISER)		QUY CÁCH ĐÓNG GÓI			
SẢN PHẨM	ORG. MAT	FREE AMI ACID.	ORG. CAR.	ORG. N	K2O	ALGINIC ACID	MÔ TẢ		PHUN QUA LÁ g hoặc mL/100 L nước	BÓN QUA ĐẤT kg hoặc L/1.000 m²	L	kg
2000Agri FULL ENERGY 7	50	7	20	3			Hỗn hợp phân bón hữu cơ dạng lỏng chứa cacbon hữu cơ và axit amin. Thúc đẩy quá trình chuyển hóa nitơ khoáng thành nitơ hữu cơ. Điều hòa các chức năng hormone của cây. Tăng khả năng chống chịu stress. Kích thích tổng hợp protein và sắc tố. Cung cấp năng lượng cho các quá trình sinh lý thiết yếu của cây.		100-200	1-3	1-5-20	
2000Agri FULVONET 24	45		18	3	7		Sản phẩm giàu chất hữu cơ, axit humic và axit fulvic. Cải thiện cấu trúc đất và tăng khả năng giữ nước của đất. Thúc đẩy sự phát triển của hệ rễ. Điều hòa quá trình hấp thu và vận chuyển nitơ. Tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của hệ rễ.		100-200	1-3	1-5-20	
2000Agri RUTIN	15	2	7	1	0,5		Chứa chất hữu cơ, cacbon hữu cơ và axit amin. Điều hòa các chức năng sinh lý quan trọng của cây. Cải thiện cấu trúc đất. Tăng cường hoạt động của hệ vi sinh vật trong đất. Kích thích sự phát triển của lông hút và tăng cường hệ rễ.			1-3	1-5-20	
2000Agri ALGAMAX	13				4	1	Phân bón hữu cơ dạng lỏng từ chiết xuất rong biển. Thúc đẩy sự phát triển của hệ rễ và sinh trưởng giai đoạn đầu. Tăng tỷ lệ đậu quả, kích thước và chất lượng quả. Nâng cao khả năng chống chịu stress. Gia tăng năng suất cây trồng.		100-200	1-3	1-5-20	

CÁC SẢN PHẨM KHÁC

		LIỀU LƯỢNG SỬ DỤNG (QUANTITÉS À UTILISER)		QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	
SẢN PHẨM	MÔ TẢ	PHUN QUA LÁ g hoặc mL/100 L nước	BÓN QUA ĐẤT kg hoặc L/1.000 m²	L	kg
2000 OCTIL	Sản phẩm chứa axit hữu cơ và dung môi phân cực. Giảm sức căng bề mặt của lá. Tăng khả năng thấm thấu và hấp thu dinh dưỡng. Ước chế quá trình tổng hợp kitin ở côn trùng. Nâng cao hiệu quả của thuốc bảo vệ thực vật. Điều chỉnh pH của dung dịch. Hoạt động như chất làm ướt và chất bám dính.	50-75		0,5-1-5	
2000 CO-MUT	Chất điều chỉnh pH và chất đồng nhất hóa hỗn hợp. Tăng khả năng thấm thấu và hấp thu các sản phẩm bảo vệ thực vật. Hoạt động như chất làm ướt, chất phân tán và chất bám dính. Giúp ổn định các hỗn hợp thuốc bảo vệ thực vật và phân bón.	100		0,5-1-5	



PHÂN BÓN LÁ DẠNG BỘT HÒA TAN

CÔNG THỨC	THÀNH PHẦN (% khối lượng/khối lượng – w/w)												LIỀU LƯỢNG SỬ DỤNG (QUANTITÉS À UTILISER)		QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	
	N	P ₂ O ₅	K ₂ O	CaO	MgO	SO ₂	Fe	Zn	Mn	B	Cu	Mo	PHUN QUA LÁ g hoặc mL/100 L nước	BÓN QUA ĐẤT kg hoặc L/1.000 m ²	L	kg
18-18-18+ME	18	18	18				0,03	0,01	0,01	0,01	0,01	0,001	100-200	1-5		1-5-10
20-20-20+ME	20	20	20				0,03	0,01	0,01	0,01	0,01	0,001	100-200	1-5		1-5-10
29-5-10+ME	29	5	10					1	0,5	0,1	0,1		100-200	1-5		1-5-10
10-5-40 +ME	10	5	40				0,03	0,01	0,01	0,01	0,01	0,001	100-200	1-5		1-5-10
15-0-12+12CaO+4MgO+ME	15		12	12	4		2						100-200	1-5		1-5-10
10-20-30 +ME	10	20	30				0,03	0,01	0,01	0,01	0,01	0,001	100-200	1-5		1-5-10
0-30-40		30	40										100-200	1-5		1-5-10
20-10-20+ME	20	10	20				0,03	0,01	0,01	0,01	0,01	0,001	100-200	1-5		1-5-10
15-5-30+ME	15	5	30				0,03	0,01	0,01	0,01	0,01	0,001	100-200	1-5		1-5-10
15-30-15 +ME	15	30	15				0,03	0,01	0,01	0,01	0,01	0,001	100-200	1-5		1-5-10
10-40-10+ME	10	40	10				0,03	0,01	0,01	0,01	0,01	0,001	100-200	1-5		1-5-10
10-52-10 +ME	10	52	10				0,03	0,01	0,01	0,01	0,01	0,001	100-200	1-5		1-5-10
0-40-40		40	40				0,03	0,01	0,01	0,01	0,01	0,001	100-200	1-5		1-5-10
15-34-10 +ME	15	34	10				0,03	0,01	0,01	0,01	0,01	0,001	100-200	1-5		1-5-10
13-0-46 +ME	13		46				0,03	0,01	0,01	0,01	0,01	0,001	100-200	1-5		1-5-10
11-11-33 +ME	11	11	33				0,03	0,01	0,01	0,01	0,01	0,001	100-200	1-5		1-5-10

Phân bón lá dạng bột hòa tan hoàn toàn, được phát triển với tính axit, giúp cây hấp thu nhanh và hiệu quả. Có nhiều công thức khác nhau, phù hợp cho mọi giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây trồng cũng như mọi loại cây trồng. Mang lại hiệu quả cao ngay cả khi sử dụng với liều lượng thấp.

VI KHUẨN VI SINH

SẢN PHẨM	CÁC LOẠI VI KHUẨN	HỖ TRỢ KIỂM SOÁT CÔN TRÙNG VÀ BỆNH NẤM	MÔ TẢ
2000Agri GREEN	Bacillus megaterium RC07, Pantoea agglomerans RC58, Pseudomonas fluorescens RC77	Có hiệu quả trong việc hỗ trợ kiểm soát: Bệnh héo vàng do Fusarium; bệnh Rhizoctonia; bệnh thối gốc, thối rễ do Phytophthora; bệnh thối rễ; bệnh Rhizomania trên củ cải đường; bệnh đốm lá Septoria trên cây ngũ cốc.	Thúc đẩy sự phát triển của hệ rễ và lông hút. Cải thiện khả năng hấp thu dinh dưỡng và giảm stress sinh lý. Tăng cường sức đề kháng tự nhiên của cây. Nâng cao hiệu quả sử dụng nitơ và hòa tan photphat. Khi sử dụng kết hợp với 2000Agri VITA, hỗ trợ kiểm soát các bệnh do virus Mosaic, PVY, Rugose, Yellow Curly Lettuce và Brown Virus.
2000Agri VITA	Bacillus megaterium RC3D, Bacillus subtilis RC521, Pseudomonas fluorescens RC512	Có hiệu quả trong việc hỗ trợ kiểm soát: Bệnh phấn trắng; bệnh mốc xám (Botrytis); bệnh cháy lá do vi khuẩn; bệnh thối rễ trên cây ngũ cốc; bệnh đốm lá Septoria.	Kích thích quá trình đẻ nhánh. Tăng cường ra hoa và nâng cao năng suất. Cân bằng giữa sinh trưởng sinh dưỡng và sinh trưởng sinh thực. Tăng cường hệ thống phòng vệ tự nhiên của cây. Cải thiện quá trình cố định nitơ và hòa tan photphat.
2000Agri STEELMAX	Bacillus megaterium Ard42/4, Bacillus subtilis Paz39/3, Pseudomonas fluorescens Tea 53/6, Lysobacter enzymogenes Ar9/8	Có hiệu quả trong việc hỗ trợ kiểm soát: Bệnh sương mai; bệnh héo vàng do Fusarium; bệnh phấn trắng; bệnh mốc xám (Botrytis); bệnh cháy lá do vi khuẩn.	Thúc đẩy quá trình hòa tan kali, canxi và sắt trong đất. Kích thích hoạt động của enzyme. Cải thiện hương vị, màu sắc và chất lượng quả. Giúp quả phát triển đầy đặn. Góp phần giảm dư lượng hóa chất. Để hỗ trợ kiểm soát tuyến trùng, nên sử dụng kết hợp với 2000Agri GREEN.
2000Agri RANGER	Bacillus megaterium RC491, Bacillus subtilis RC11S1, Pseudomonas stutzeri RC281, Bacillus thuringiensis RC591	Có hiệu quả trong việc hỗ trợ kiểm soát: Tuyến trùng; sâu đục lá cà chua (Tuta absoluta); ấu trùng bọ cánh cứng (sâu trắng, ấu trùng Melolontha).	Được sử dụng cho mục đích dinh dưỡng và bảo vệ sinh học. Thúc đẩy quá trình hòa tan kali và sắt. Cải thiện hương vị và màu sắc của quả. Chứa Bacillus thuringiensis (BT). Có thể giúp giảm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và kim loại nặng tới 33%.

Các sản phẩm vi sinh của chúng tôi giúp điều hòa pH của đất và dịch cây, góp phần hạn chế sự phát triển của côn trùng và các bệnh do nấm gây ra. Chúng làm giảm khả năng đẻ trứng của sâu hại, ức chế sự phát triển của các tác nhân gây bệnh và nâng cao khả năng chống chịu stress của cây trồng. Đồng thời, các chủng vi sinh này có khả năng cố định đạm sinh học, hòa tan lân, kali và các nguyên tố vi lượng. Chúng còn chuyển hóa chất hữu cơ thành axit humic và axit fulvic, sau đó tiếp tục chuyển thành các axit amin ở dạng cây trồng có thể hấp thu và sử dụng.



DÒNG PHÂN BÓN PHOSPHITE

SẢN PHẨM	THÀNH PHẦN (% khối lượng/khối lượng – w/w)							LIỀU LƯỢNG SỬ DỤNG (QUANTITÉS À UTILISER)		QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	
	N	P ₂ O ₅	K ₂ O	Fe	Zn	Mn	Cu	PHUN QUA LÁ g hoặc mL/100 L nước	BÓN QUA ĐẤT kg hoặc L/1.000 m ²	L	kg
2000Agri FOLKAR-K		30	20						100-200	1-2	1-5-20
2000Agri FOLKAR CuMnZn		20			1	1	5		100-200	1-2	1-5-20
2000Agri FOLKAR Fe	3	20		5					100-200	1-2	1-5-20
2000Agri FOLKAR MnZn	3	20			5	5			100-200	1-2	1-5-20

PHÂN BÓN DẠNG LỎNG

SẢN PHẨM	THÀNH PHẦN (% khối lượng/khối lượng – w/w)							LIỀU LƯỢNG SỬ DỤNG (QUANTITÉS À UTILISER)		QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	
	N	P ₂ O ₅	K ₂ O	SO ₃	Zn	Mn		PHUN QUA LÁ g hoặc mL/100 L nước	BÓN QUA ĐẤT kg hoặc L/1.000 m ²	L	kg
2000Agri ZENITH	5	30			7			150-200	1-3	1-5-20	
Agrodore ZIPLINE	3	18			4	3		150-200	1-3	1-5-20	
GRONZIN L7	15				7			150-200	1-3	1-5-20	
ULTRA-K30			30					200-250	1-3	1-5-20	
GOLDEN KaTeSe			25	42				100-500	1-3	20	

PHÂN BÓN CHỨA CÁC NGUYÊN TỐ ĐA LƯỢNG

SẢN PHẨM	THÀNH PHẦN (% khối lượng/khối lượng – w/w)									LIỀU LƯỢNG SỬ DỤNG (QUANTITÉS À UTILISER)		QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	
	N	K ₂ O	MgO	S	CaO	Zn	Fe	B		PHUN QUA LÁ g hoặc mL/100 L nước	BÓN QUA ĐẤT kg hoặc L/1.000 m ²	L	kg
CALVIN	8				14				Hỗn hợp phân bón dạng lỏng chứa nitơ, canxi và axit amin. Giúp khắc phục hiện tượng thối đít quả và hoại tử mép lá. Giảm nhanh stress sinh lý của cây. Cải thiện độ bóng và chất lượng quả.	200-500	1-5	1-5-20	
CANTONE-B	6,5				13			0,17	Hỗn hợp phân bón dạng lỏng chứa canxi, nitơ và bo. Khắc phục tình trạng thiếu bo sau khi bổ sung canxi. Giúp hạn chế sinh trưởng sinh dưỡng quá mức. Cải thiện màu sắc của lá. Làm chậm quá trình lão hóa và nâng cao chất lượng quả.	150-250	1-5	1-5-20	
2000Agri POTANICAL	9	7			14	0,5			Phân bón dạng lỏng chứa canxi, kali, nitơ và kẽm. Thúc đẩy quả phát triển đồng đều và tăng độ cứng của quả. Giúp hạn chế hiện tượng nứt quả. Cải thiện độ bóng, hình dạng và giá trị thương phẩm của nông sản.		3-5	20	
Agrodore ALTAIR	15	12	4		12		2		Phân bón dạng bột chứa canxi, kali, nitơ, magiê và sắt. Thúc đẩy sự phát triển đồng đều và tăng độ cứng của quả. Giảm tỷ lệ nứt quả. Tăng độ bóng và giá trị thương phẩm của nông sản.	100-150	2-5		1-5-10
2000Agri SULPHUR				80					Phân bón dạng huyền phù chứa 80% lưu huỳnh. Giúp điều chỉnh pH của đất. Cải thiện khả năng hấp thu các nguyên tố đa lượng và vi lượng trên đất kiềm. Giảm độ mặn tại vùng rễ. Kích thích hoạt động của hệ vi sinh vật đất.	100-150	1-3	1-5-20	
2000Agri SULFOCTIL				50					Chế phẩm lưu huỳnh dạng SC với dung môi đặc biệt. Có hiệu quả trong phòng trừ nhện và côn trùng gây hại. Giúp ức chế sự phát triển của côn trùng. Tương thích với các sản phẩm bảo vệ thực vật. Hoạt động như chất làm ướt và chất bám dính. Điều chỉnh pH của dung dịch phun.	100-150	1-3	1-5-20	



PHÂN BÓN DẠNG BỘT HÒA TAN DÙNG CHO HỆ THỐNG TƯỚI NHỎ GIỌT

CÔNG THỨC	THÀNH PHẦN (% khối lượng/khối lượng – w/w)												LIỀU LƯỢNG SỬ DỤNG (QUANTITÉS À UTILISER)		QUY CÁCH ĐÓNG GÓI	
	N	P ₂ O ₅	K ₂ O	CaO	MgO	SO ₃	Fe	Zn	Mn	B	Cu	Mo	PHÂN QUẢ LÁ (g hoặc mL/100 L nước)	PHÂN QUẢ ĐẤT (kg hoặc L/1.000 m ²)	L	kg
18-18-18+ME	18	18	18				0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,001		1-5		25
20-20-20+ME	20	20	20				0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,001		1-5		25
12-36-12+ME	12	36	12				0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,001		1-5		25
16-8-24+10SO ₃ +2MgO+ME	16	8	24		2	10	0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,001		1-5		25
0-30-40		30	40											1-5		25
15-0-20+15CaO	15		20	15										1-5		25
6-0-49	6		49											1-5		25
20-10-20+ME	20	10	20				0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,001		1-5		25
15-5-30+ME	15	5	30				0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,001		1-5		25
15-30-15+ME	15	30	15				0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,001		1-5		25
13-40-13+ME	13	40	13				0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,001		1-5		25
10-52-10+ME	10	52	10				0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,001		1-5		25
17-7-21+3MgO+ME	17	7	17		3		0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,001		1-5		25
0-40-40		40	40											1-5		25
15-0-12+12CaO+4MgO+ME	15		12	12	4		2							1-5		25
13-0-46+ME	13		46				0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,001		1-5		25
11-11-33+ME	11	11	33				0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,001		1-5		25
10-5-40+ME	10	5	40				0,04	0,02	0,02	0,01	0,01	0,001		1-5		25

Là các loại phân bón dạng bột dùng cho hệ thống tưới nhỏ giọt, hòa tan hoàn toàn trong nước (100%). Tất cả các nguyên tố vi lượng đều được chelate bằng EDTA. Sản phẩm không chứa clo, có pH thấp và được cây hấp thu hiệu quả ở mọi giai đoạn sinh trưởng và phát triển.



www.2000tarim.com



2000 TARIM TURİZM TEKSTİL SAN. TİC. LTD. ŞTİ.

Kırcami Mah. Perge Bulv. Şerife Kahraman İş Mrk. A Blok No: 75/104 K : 1 Antalya / TURKEY

Tel. & Faks : +90 242 311 60 95 • info@2000tarim.com

+90 532 426 98 30